

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 221/2023/DS-ST
Ngày: 20-7-2023
V/v tranh chấp về hợp đồng
tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Ngọc Tiến

2. Bà Đỗ Thị A

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 312/2022/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2022 về *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2023/QĐST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T

Địa chỉ: Đường N, Phường S, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông N.N.M, sinh năm 1991

(Đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền số: 588/2022/UQ-TGD ngày 31/10/2022). (có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Ông P.Đ.T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Đường T, Phường P, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 11 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có ông N.N.M đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 22/09/2010, Ông T có ký với Ngân hàng TMCP T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 280,000,000 (hai trăm tám mươi triệu) đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 17.807.734.151 (mười bảy tỉ, tám trăm lẻ bảy triệu, bảy trăm ba mươi bốn ngàn, một trăm năm một) đồng. Ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 17.774.848.853 (mười bảy tỉ, bảy trăm bảy mươi bốn triệu, tám trăm bốn mươi tám ngàn, tám trăm năm mươi ba) đồng. Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng là: Các khoản phí và lãi của kỳ trước, giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước, giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước, các khoản phí và lãi trong kỳ, giao dịch rút tiền mặt trong kỳ và giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Theo thỏa thuận, ngày 25 hàng tháng ông T phải có nghĩa vụ thanh khoản dư nợ của kỳ trước. Nếu quá hạn của kỳ thanh toán mà ông T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ thì ông T phải chịu các khoản lãi và các loại phí theo quy định và tổng số tiền nợ của kỳ trước chuyển thành dư nợ của kỳ sau.

Tính đến ngày 20/7/2023, ông T còn nợ các khoản tiền sau:

- Dư nợ gốc: 320.579.548 đồng
- Lãi quá hạn: 255.052.785 đồng
- Tổng cộng: 575.632.333 đồng

Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên ngày 26/09/2021, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông P.Đ.T trả các khoản nợ bao gồm: 575.632.333 đồng, trong đó: số tiền nợ gốc là 320.579.548 đồng, nợ lãi quá hạn là 255.052.785 đồng và trả các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 21/7/2023 đến khi trả hết nợ cho ngân hàng.

- Ông T vắng mặt tại phiên tòa, tại Biên bản hòa giải ngày 27/12/2022 ông T trình bày:

Ông T thừa nhận ngày 22/9/2010 ông có ký với Ngân hàng TMCP T hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Hạn mức tín dụng là 280.000.000 đồng.

Giữa ông và Ngân hàng thỏa thuận lãi suất trong hạn là 2.4%, lãi quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Ông cũng thừa nhận sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 17.807.734.151 (mười bảy tỉ, tám trăm lẻ bảy triệu, bảy trăm ba mươi bốn ngàn, một trăm năm một) đồng. Ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 17.774.848.853 (mười bảy tỉ, bảy trăm bảy mươi bốn triệu, tám trăm bốn mươi tám ngàn, tám trăm năm mươi ba) đồng, bao gồm các khoản phí, lãi.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông không đồng ý với số tiền nợ gốc vì hạn mức tín dụng của ông chỉ được cấp 280.000.000 đồng mà hiện nay Ngân hàng yêu cầu nợ gốc vượt quá 280.000.000 đồng là không phù hợp.

Ông đồng ý cách tính lãi của Ngân hàng nhưng tiền lãi phải được tính trên số nợ gốc là 280.000.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải, ông xin trả mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và xin không phải trả lãi từ ngày 28/12/2022 trở đi.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông N.N.M có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Bị đơn ông P.Đ.T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông T không nộp tài liệu, chứng cứ và vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại Quận L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét Giấy ủy quyền số: 588/2022/UQ-TGD ngày 31/10/2022 của Ngân hàng TMCP T ủy quyền cho ông N.N.M tham gia tố tụng giải quyết vụ án là hợp lệ nên ông T có đủ tư cách đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông N.N.M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Ngân hàng TMCP T.

Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1]. Đối với yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 320.579.548 đồng:

Tại Điều 18 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quy định: *“Tất cả các giao dịch và phí phát sinh phải được chủ thẻ thanh toán vào trước hoặc đến ngày thanh toán”*. Tuy nhiên, ông T đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đúng hạn và đầy đủ cho nguyên đơn là vi phạm những điều khoản đã cam kết.

Việc bị đơn cho rằng, Ngân hàng chỉ cấp hạn mức thẻ tín dụng là 280.000.000 đồng, tuy nhiên số tiền nợ gốc mà nguyên đơn yêu cầu vượt quá 280.000.000 đồng là không có cơ sở. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 23 bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng thì các bên thỏa thuận như sau: *“Việc không thanh toán số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát hành thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm của hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ dư nợ sẽ đến hạn ngay lập tức và chủ thẻ phải thanh toán”*. Hội đồng xét xử xét thấy, trước khi bị đơn dừng hẳn việc trả nợ cho Ngân hàng, từ năm 2010 đến ngày 25/6/2021 bị đơn vẫn thực hiện và không phản đối cách tính dư nợ gốc từng kỳ của nguyên đơn. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo kỳ nên theo thỏa thuận thì nguyên đơn được phép tính số dư nợ của kỳ trả nợ trước (bao gồm tiền gốc, lãi và phí) thành dư nợ đến hạn mà bị đơn phải nghĩa vụ thanh toán.

Từ ngày 26/9/2021, nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số tiền nợ thành tổng dư nợ quá hạn với số tiền là 320.579.548 đồng. Và đây là số dư nợ gốc cố định được tính đến ngày xét xử vụ án.

Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quy định: Khi sự kiện vi phạm xảy ra, chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng đơn vị phát hành thẻ có thể thực hiện hoặc nhiều hành động sau: *“Chấm dứt quyền sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ nợ”*. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 320.579.548 đồng.

[2.2]. Đối với yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ lãi là: 255.052.785 đồng.

Tại Điều 22 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quy định: Đơn vị phát hành thẻ có quyền sửa đổi mức lãi suất trong thời kỳ theo quyết định của mình mà không cần thông báo trước cho chủ thẻ.

Kể từ 26 tháng 9 năm 2021 (ngày ngân hàng chuyển nợ quá hạn), lãi suất được tính là 150% lãi suất trong hạn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*.

Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên số dư nợ gốc còn lại với số tiền lãi suất 150% lãi suất trong hạn kể từ ngày vi phạm đến ngày xét xử với số tiền là 255.052.785 đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn tiếp tục trả tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành kể từ ngày 21/7/2023 cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1) Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông P.Đ.T có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng TMCP T tổng số tiền tạm tính đến ngày 20/7/2023 là 575.632.333 đồng (năm trăm bảy mươi lăm triệu, sáu trăm ba mươi hai ngàn, ba trăm ba mươi ba) đồng, trong đó: số tiền nợ gốc là 320.579.548 (ba trăm hai mươi triệu, năm trăm bảy mươi chín ngàn, năm trăm bốn mươi tám) đồng, nợ lãi quá hạn là 255.052.785 (hai trăm năm mươi lăm triệu, không trăm năm mươi hai ngàn, bảy trăm tám mươi lăm) đồng.

Ông P.Đ.T có trách nhiệm trả khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 21/7/2023 cho đến khi hết nợ theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 22/9/2010 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

2) Về án phí dân sự sơ thẩm: 27.025.293 đồng (hai mươi bảy triệu, không trăm hai mươi lăm ngàn, hai trăm chín mươi ba) đồng, ông P.Đ.T chịu.

Ngân hàng TMCP T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP T số tiền 11.258.334 đồng (mười một triệu, hai trăm năm mươi tám ngàn, ba trăm ba mươi bốn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019177 ngày 21/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3) Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4) Các đương sự có thời hạn kháng cáo đối với bản án là mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
XÉT XỬ SƠ THẨM**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Lan